

Bản án số: 112/2024/HS-ST
Ngày 03-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Dung

Bà Bùi Thị Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2024/TLST-HS ngày 25/4/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-HS ngày 22/5/2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 34/TB-TA ngày 06/6/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H sinh ngày 17/3/1983 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đ M và bà Nguyễn Thị V; có chồng Trần Văn Đ và có 01 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2023, do có nhu cầu vay tiền nên Nguyễn Thị H đã nảy sinh ý định sử dụng giấy tờ giả để vay tiền. H lên mạng xã hội tìm kiếm và kết bạn với người có tài khoản Zalo “D Hồ Sơ”, số điện thoại 0966152765 để nhờ làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Căn cước công dân để đi vay tiền.

Ngày 30/5/2023, H nhắn tin Zalo cho D để đặt làm giả Căn cước công dân, H gửi cho D ảnh Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H để nhờ D làm giả với giá

1.000.000 đồng. Khoảng 05 ngày sau, có người đàn ông (không rõ tên tuổi, địa chỉ) gọi điện cho H để giao hàng. H hẹn người đàn ông giao Căn cước công dân tại nhà của mình. H trả cho người này 1.000.000 đồng tiền mặt và nhận 01 Căn cước công dân giả mang tên Nguyễn Thị H. Sau đó, H mang Căn cước công dân giả đi gặp một người tên B ở khu vực Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng để vay tiền. B cho Nguyễn Xuân K, sinh năm 2002, trú tại: Xóm 4 Đại Đồng, xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đến nhà H xác minh, H đã giao Căn cước công dân giả cho K để vay của B số tiền 15.000.000 đồng.

Ngày 02/06/2023, H tiếp tục nhắn tin Zalo cho D nhờ làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 631896; thửa đất số 271A; tờ bản đồ số 17, diện tích 270m² tại thôn Dụ nghĩa, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng mang tên Trần Văn Đ (chồng H) với giá 6.500.000 đồng nhằm mục đích đi thế chấp để vay tiền. H đã nhắn tin Zalo, chụp hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Đ chuyển cho D, đồng thời chuyển trước 500.000 đồng tiền đặt cọc vào số tài khoản 0481000858076 tên Bùi Văn D mở tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Biên Hòa, Đồng Nai. Đến ngày 12/6/2023, có người đàn ông (không rõ tên tuổi, địa chỉ) gọi điện thoại cho H để giao hàng, H hẹn giao hàng tại nhà. Tại nhà H đã nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và trả tiền mặt 6.000.000 đồng cho người đàn ông giao hàng. Sau đó, H kiểm tra thì thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 271A, tờ bản đồ số 17, diện tích 270m² tại thôn Dụ nghĩa, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng mang tên Trần Văn Đ nhưng trống số vào sổ và ngày cấp. Do đó, Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 13/6/2023, H đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện An Dương đề nghị xác nhận số vào sổ, ngày cấp đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên. Do nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H mang đến là giả, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện An Dương đã lập biên bản làm việc và trình báo Công an huyện An Dương.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CY 631896; thửa đất số 271A; tờ bản đồ số 17, mang tên Trần Văn Đ; 01 điện thoại Nokia màu đen có model TA-1203; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A02s. Kiểm tra điện thoại của H phát hiện nhiều tin nhắn Zalo H trao đổi với D để làm Căn cước công dân và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

Ngày 14/06/2023, Nguyễn Xuân K giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H.

Tại Bản kết luận giám định số: 135/KL-KTHS (TL) ngày 03/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 631896; thửa đất số 271A; tờ bản đồ số 17; diện tích 272m² mang tên Trần Văn Đ; Sinh năm 1980, CMND số 031080001172; Địa chỉ thường trú: Thôn Dụ Nghĩa, Lê Thiện, An Dương, Hải Phòng là giả, được làm giả bằng pH pháp in phun màu. 01 Căn cước Công dân mang tên Nguyễn Thị H; sinh ngày 17/03/1983; Số: 031183008160; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Quê quán: Đại Bản, An Dương, Hải Phòng; Nơi thường trú: Dụ Nghĩa, Lê Thiện, An Dương, Hải Phòng

ghi ngày cấp: 14/01/2023 và nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH là giả, được làm giả bằng pH pháp in phun màu.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thị H đã khai nhận hành vi như trên.

Vật chứng của vụ án: 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số CY 631896; thửa đất số 271A; tờ bản đồ số 17; diện tích 272m² mang tên Trần Văn Đ; 01 Căn cước Công dân giả mang tên Nguyễn Thị H chuyển lưu hồ sơ vụ án. Đối với 02 điện thoại di động chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương để quản lý.

Tại phiên tòa: Bị cáo trình bày thống nhất về hành vi như đã nêu trên, đồng ý với nội dung các Kết luận giám định; không có ý kiến hay khiếu nại gì. Đối với số tiền vay của người tên B, bị cáo đã không có mục đích hay ý thức chiếm đoạt, số tiền này bị cáo đã thanh toán xong cho B.

Bản Cáo trạng số 84/2024/CT-VKS ngày 22/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự (BLHS). Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 30 năm 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo; miễn phạt tiền bổ sung đối với bị cáo; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại NOKIA màu đen, tịch thu sung công 01 điện thoại Samsung Galaxy; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt, được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Do có nhu cầu vay tiền nên Nguyễn Thị H đã nảy sinh ý định sử dụng giấy tờ giả để thế chấp vay tiền. Ngày 30/5/2023, H đã nhờ người làm Căn cước công dân giả của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội rồi sử dụng Căn cước giả này để vay tiền của người khác. Ngày 02/6/2023, Nguyễn Thị H tiếp tục nhờ người làm

giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện An Dương mang tên Trần Văn Đ rồi đem đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện An Dương đề nghị xác nhận số vào sổ, ngày cấp nhằm mục đích mang đi thế chấp vay tiền. Với hành vi nêu trên, bị cáo đã phạm tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 341 của BLHS. Bị cáo đặt làm giả 02 loại giấy tờ trên vào hai thời điểm khác nhau, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết định khung Phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 của BLHS. Các chứng cứ xác định bị cáo không có tội được loại trừ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Hành vi phạm tội của bị cáo đi ngược lại với quy định của pháp luật được Nhà nước đặt ra để điều chỉnh các quan hệ xã hội; xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý về con dấu, tài liệu. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có bố đẻ là tH binh nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[4] Về hình phạt chính: Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên xem xét cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Áp dụng Điều 65 của BLHS cho bị cáo được hưởng án treo và xử phạt bằng mức khởi điểm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 4 Điều 341 của BLHS đối với bị cáo.

[6] Vật chứng của vụ án: Đối với 01 điện thoại Samsung Galaxy bị cáo dùng truy cập trang mạng xã hội Facebook để liên hệ làm giấy tờ giả cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; 01 điện thoại di động NOKIA màu đen không dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo sử dụng.

[7] Về những vấn đề khác: Số tiền vay của người tên B, không có căn cứ chứng minh bị cáo có ý thức chiếm đoạt nên không cấu thành tội phạm. Đối tượng B Công an huyện An Dương tiếp tục điều tra xác minh nhân thân lai lịch của B để xử lý theo quy định. Vụ án không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm **nào khác** hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự. Trong vụ án này, Nguyễn Thị H còn khai nhận do trước đó đã thế chấp xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, BKS 15B3 - 062.51 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị H nên đã nhắn tin Zalo cho D để nhờ làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên để tiếp tục đi vay tiền. Tuy nhiên, khi D gửi giấy tờ về H đã không nhận do không có tiền. Cơ quan điều tra không thu giữ được giấy chứng nhận đăng ký xe giả trên. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau. Đối với đối tượng D làm giả các tài liệu trên cho H hiện chưa xác định được lai lịch cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương ra Quyết định tách vụ án hình sự về tội

Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức để tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật. Anh Trần Văn Đ không biết và không tham gia việc Nguyễn Thị H đặt làm giả, sử dụng giấy tờ, tài liệu giả nên không có căn cứ để xử lý. Do Tòa án áp dụng hình phạt tù nhưng được hưởng án treo nên hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 341 điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Samsung Galaxy của Nguyễn Thị H; trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động NOKIA màu đen (chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương).

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện An Dương;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra CA huyện An Dương;
- Cơ quan THAHSCA huyện An Dương;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng